

## CẤU TRÚC VI MÔ MỤC TỪ XÃ HỘI HỌC TRONG TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA VIỆT NAM

HOÀNG THỊ HOA MAI\*

**Abstract:** This article aims to clarify the microstructure of sociological entries in the four-volume Vietnamese Encyclopedia. It analyzes the content characteristics of each group of entries in the encyclopedia and offers recommendations for adding new entries and enhancing existing information..

**Keywords:** *microstructure, encyclopedia, sociology.*

### 1. Đặt vấn đề

Từ điển bách khoa Việt Nam được biên soạn lần đầu tiên tại Việt Nam là bộ Từ điển bách khoa tổng hợp nhiều chuyên ngành, cỡ trung bình, có tính chất thông dụng, dùng cho đông đảo bạn đọc. Từ điển có mục đích giới thiệu những tri thức cơ bản nhất về đất nước con người, lịch sử xã hội, văn hoá, khoa học công nghệ Việt Nam xưa và nay và những tri thức văn hoá, khoa học, kỹ thuật của thế giới...

Trong thời đại tri thức hiện nay, nhu cầu hệ thống hoá các mục từ đóng vai trò quan trọng. Đặc biệt trong lĩnh vực xã hội học thì việc thao tác hoá khái niệm có vai trò không thể thiếu, chính vì thế những mục từ tri thức của ngành có trong Từ điển bách khoa là một trong những cứ liệu tham khảo quan trọng cho các nhà nghiên cứu nói riêng và toàn thể độc giả nói chung hiểu và vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu. Việc hiểu rõ cấu trúc vi mô mục từ có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả truyền tải kiến thức và khả năng khai thác thông tin của người sử dụng.

Bài viết nhằm làm rõ cấu trúc vi mô của các nhóm mục từ xã hội học trong Từ điển bách khoa Việt Nam 4 tập. Qua đó, làm rõ phương pháp tổ chức thông tin, đặc điểm nội dung của từng loại mục từ có trong bộ Từ điển bách khoa. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, đề xuất về bổ sung mục từ và thông tin mục từ.

### 2. Các khái niệm liên quan

#### 2.1. Khái niệm từ điển bách khoa

“Từ điển bách khoa là kết quả của sự giao thoa giữa từ điển ngôn ngữ và bách khoa toàn thư... về phương diện nội dung, từ điển bách khoa còn vươn sang khu vực bách khoa toàn thư, chủ yếu thể hiện nội dung các từ có tính khái niệm (từ có tính bách khoa), không chỉ có định nghĩa mà còn có phân giải tính bách khoa của từ. Đồng thời cũng còn vươn sang khu vực từ điển ngôn ngữ, thu thập cả những từ mang tính ngôn ngữ” [8].

Theo Đặng Thị Phượng [7], biên soạn từ điển bách khoa chuyên ngành là một quá trình phức hợp, đòi hỏi sự kết hợp giữa lý thuyết ngôn ngữ học, xử lý ngữ liệu và tư duy khái niệm chuyên sâu. Tác giả nhấn mạnh sự khác biệt giữa từ điển chuyên ngành và từ điển thông thường ở mức độ hệ thống hoá, tính chuyên biệt và định hướng khái niệm. Quá trình biên soạn cần đảm bảo nguyên tắc lựa chọn ngữ liệu phù hợp, tổ chức mục từ có cấu trúc vĩ mô - vi mô rõ ràng, đồng thời xử lý hiệu quả các hiện tượng đa nghĩa, đồng âm, đồng nghĩa. Đặc biệt, trong trường hợp từ điển song ngữ, việc xác định nghĩa tương đương đòi hỏi phải tham khảo chuyên gia, cần nhắc đến yếu tố văn hoá - pháp lý - nghiệp vụ của từng quốc gia.

Như vậy, có thể hiểu từ điển bách khoa (encyclopedia) là loại từ điển chứa đựng kiến thức tổng hợp hoặc chuyên sâu về nhiều lĩnh vực đời sống, khoa học, văn hoá, xã hội... được trình bày theo dạng mục từ, sắp xếp theo bảng chữ cái, chủ đề hoặc hệ thống phân loại tri thức.

#### 2.2. Khái niệm cấu trúc vi mô

Trong biên soạn từ điển nói chung và biên soạn từ điển bách khoa nói riêng, ngoài cấu trúc vĩ mô thì cấu trúc vi mô (microstructure) đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nội dung của một mục từ. Nội dung đó được sắp xếp theo một trật tự thống nhất theo từng loại mục từ khác nhau, từ đó đảm bảo tính nhất quán cho một cuốn từ điển. Cấu trúc này bao gồm hai thành phần chính là từ đầu mục và các thông tin kèm theo từ đầu mục.

Theo Trần Thị Dự [1], từ đầu mục là trung tâm của mỗi mục từ, đồng thời đóng vai trò kép: vừa là đơn vị thuộc cấu trúc vĩ mô (nằm trong bảng mục từ), vừa là điểm khởi phát cho cấu trúc vi mô - nơi tập hợp toàn bộ thông tin liên quan đến đơn vị ngôn ngữ đó.

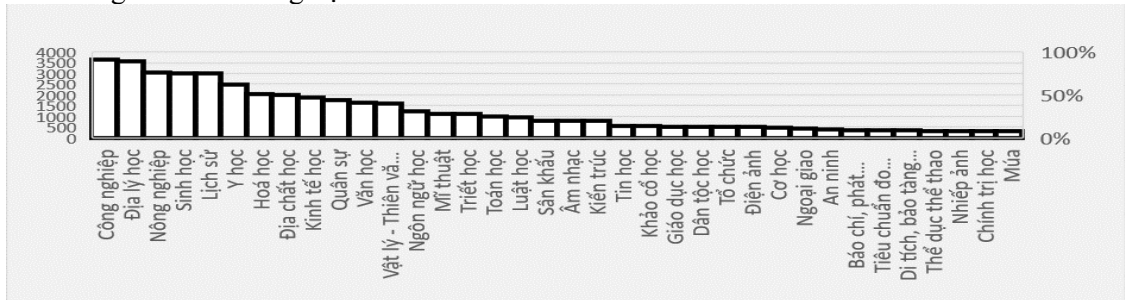
\* Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới; Email: hoamaihoang0209@gmail.com

Để nói về cấu trúc vi mô nhiều học giả và những nhà nghiên cứu về ngôn ngữ đã đưa ra những khái niệm giúp độc giả hiểu rõ hơn về cấu trúc vi mô. Tác giả Teun A. van Dijk [12, tr.29] trong phân tích diễn ngôn đã đưa ra định nghĩa “*Cấu trúc vi mô đề cập đến cấu trúc cục bộ ở cấp độ câu của diễn ngôn, bao gồm cú pháp, lựa chọn từ vựng và các phương tiện liên kết, kết hợp lại để tạo nên tính mạch lạc*”. Ở góc độ tiếp cận ngôn ngữ học văn bản thì Halliday & Hasan [11, tr.4] lại đưa ra định nghĩa “*Cấu trúc vi mô chính là mạng lưới các mối quan hệ từ vựng, ngữ pháp và quan hệ khác tạo nên sự gắn kết giữa các phần của văn bản*”. Như vậy, cách tiếp cận ngôn ngữ cấu trúc vi mô được hai tác giả cụ thể hoá dưới dạng liên kết các quan hệ từ vựng để tạo nên tính mạch lạc thì cũng giống như cấu trúc nội dung của mục từ cần có sự kết nối thông tin theo một mô hình nhất định để có được sự nhất quán. Tuy nhiên, để rõ hơn về cấu trúc vi mô của từ điển thì định nghĩa mà Béjoint [10, tr.222] đưa ra đã làm nổi bật rõ nội dung “*Cấu trúc vi mô của một mục từ là tổ chức thông tin bên trong liên quan đến từ mục*”.

Như vậy, cấu trúc vi mô của mục từ có thể hiểu là tổ chức thông tin bên trong của mục từ, các thông tin kết hợp lại để tạo nên tính mạch lạc để làm rõ thông tin cho từ đầu mục.

**3. Khái quát chung về mục từ Từ điển bách khoa Việt Nam 4 tập và mục từ xã hội học**

Từ điển bách khoa được biên soạn lần đầu tiên tại Việt Nam là bộ từ điển bách khoa tổng hợp nhiều chuyên ngành, cỡ trung bình, có tính chất thông dụng, hệ thống hoá các kiến thức cơ bản thuộc nhiều lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, văn hoá xã hội. Trong đó, các mục từ thuộc lĩnh vực xã hội học đóng vai trò không thể thiếu trong bộ từ điển.

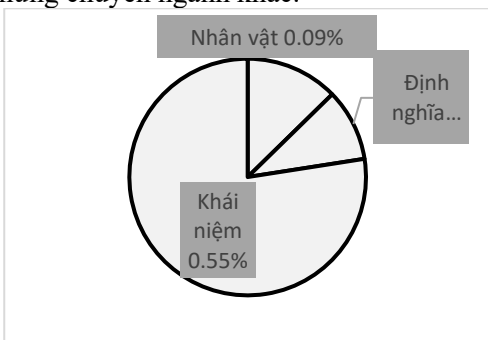


Biểu đồ 1. Số lượng, tỉ lệ mục từ của 36 chuyên ngành trong Từ điển bách khoa Việt Nam 4 tập

Nhìn vào biểu đồ 1 cho thấy Từ điển bách khoa Việt Nam 4 tập gồm có 36 chuyên ngành có mục từ được biên soạn, với một số lượng mục từ khá lớn nhưng trong đó không có chuyên ngành xã hội học. Điều này cho thấy các mục từ xã hội học trong Từ điển bách khoa Việt Nam 4 tập còn khuất bóng dưới những chuyên ngành lớn như triết học, vật lý, địa lý...; chưa nổi bật với tư cách là những mục từ độc lập.

Có nhiều giải pháp để phân loại mục từ theo chủ đề. Dựa trên cách phân loại của Từ điển bách khoa, các mục từ xã hội học trong bộ Từ điển bách khoa có thể phân loại chi tiết theo 3 loại hình chính: Mục từ nhân vật; Mục từ định nghĩa; Mục từ khái niệm.

Qua thống kê trong Từ điển bách khoa Việt Nam có 71 mục từ về xã hội học, chia theo 3 chủ đề. Cụ thể: mục từ nhân vật là 9, các mục từ định nghĩa là 7, mục từ khái niệm chiếm số lượng lớn nhất là 55 mục. Điều này cho thấy các mục từ xã hội học được lựa chọn để đưa vào khá khiêm tốn so với những chuyên ngành khác.



Biểu đồ 2. Các loại hình mục từ xã hội học trong Từ điển bách khoa Việt Nam 4 tập

Qua biểu đồ 2 cho thấy mục từ khái niệm được đưa vào chiếm tỉ lệ cao nhất so với hai loại hình mục từ còn lại. Kết quả này cũng cho thấy tầm quan trọng của các khái niệm trong xã hội học. Điều này cũng dễ hiểu bởi lẽ việc thao tác hoá các khái niệm trong các nghiên cứu xã hội học được xem là công đoạn nền tảng không thể thiếu trong các nghiên cứu. Thông qua các khái niệm, nhà nghiên cứu có thể xây dựng lý thuyết, giải thích các hành vi xã hội và dự báo các xu hướng phát triển. Các khái niệm xã hội học đóng vai trò then chốt trong việc giúp cho các nghiên cứu hiểu và phân tích các hiện tượng xã hội một cách khoa học và có hệ thống.

#### 4. Cấu trúc vi mô mục từ xã hội học trong Từ điển bách khoa Việt Nam 4 tập

Các mục từ trong Từ điển bách khoa có một cấu trúc vi mô riêng. Tuy nhiên không phải mục từ nào cũng có đầy đủ các thông tin theo khung hình chung, có những mục từ có đầy đủ nhưng cũng có những mục từ khuyết một số thông tin.

##### 4.1. Cấu trúc vi mô mục từ nhân vật

Các mục từ nhân vật là những nhà xã hội học có nhiều đóng góp quan trọng đối với ngành xã hội học nói riêng và đối với nghiên cứu khoa học nói chung, đặc biệt các mục từ được đưa vào với các nội dung chính sau:

- Đầu mục từ: tên của các nhà xã hội học; Tên đầy đủ; Năm sinh, năm mất; Quê quán; Nghề nghiệp; Những công trình nghiên cứu chính.

Có thể thấy đại đa số các mục từ đều được đưa đầy đủ các thông tin như khung cấu trúc chung của Từ điển bách khoa về mục từ nhân vật, một số mục từ còn thiếu thông tin về nghề nghiệp, tác phẩm. Ví dụ: mục từ **Paxxon** (A. Talcott Parsons) [5, tr.116]; mục từ **Pareto** (I. Vilfredo pareto) [5, tr.141]; mục từ **Weber A** (Alfred Weber) [6, tr.843] là những mục từ thiếu thông tin nghề nghiệp. Không đưa tên các tác phẩm mà lại nhấn mạnh cách tiếp cận trong hướng nghiên cứu như mục từ **Weber A**. (Alfred Weber) [6, tr.843].

##### 4.2. Cấu trúc vi mô mục từ định nghĩa

Đây là loại mục từ nói về các định nghĩa quan trọng trong xã hội học.

Cấu trúc vi mô chung của loại mục từ này gồm:

- Định nghĩa
- Phân loại

Với đa số các mục từ có đầy đủ thông tin định nghĩa và phân loại nhưng cũng có những mục từ chỉ có định nghĩa mà không có phân loại, bên cạnh đó cũng có mục từ đi ngược với khung chung, ngoài định nghĩa thay vì phân loại thì lại nêu nguyên nhân.

Ví dụ: mục từ **Chỉ báo xã hội học** [3, tr. 230] và mục từ **Chỉ số xã hội học** [3, tr. 235] có định nghĩa và ví dụ chứ không có phần phân loại. Hay như mục từ **Bất bình đẳng xã hội** [3, tr. 178] có định nghĩa và nguyên nhân.

“CHỈ SỐ XÃ HỘI HỌC, các dữ kiện xã hội học cho phép xác định và dự đoán một số ứng xử. Để làm rõ một cấu trúc, dù đó là một thang thái độ, một hệ thống những lựa chọn, v.v., phải tìm ra những dữ kiện quan sát được và lượng hoá được, để dựa vào đó mà xác định và dự đoán các ứng xử. Trong kinh tế học chủ thể kinh tế được giả định là có lí trí và biết tính toán. Trong xã hội học, chủ thể có thể là phi lí trí xét từ một quan điểm nhất định (vd. người tự sát). Tuy nhiên tính phi lí trí bề ngoài đó lại che giấu một tính chất có lí trí của sự ứng xử mà nhà xã hội học phải nắm được, phải tự tạo ra một hình ảnh hay một giả thiết về các yếu tố, các điều kiện. Chỉ số là biến số xác định yếu tố, điều kiện trong một hoàn cảnh hay một thời điểm nhất định, từ đó suy ra sự ứng xử đó (vd. tỉ lệ li hôn liên hệ gia đình, tỉ lệ tự sát). Các chỉ số nói chung là phối hợp với nhau. Không một chỉ số nào là đủ để có vai trò quyết định. Giá trị của các chỉ số được thử nghiệm bởi các mối tương quan giữa chúng với nhau” [3, tr.235].

“BẤT BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI, những khác biệt về địa vị xã hội, chủ yếu dựa trên sự khác biệt về nguồn gốc, gia đình, giai cấp xã hội, lợi ích kinh tế, ảnh hưởng chính trị, tài sản, giáo dục, tập quán và đạo đức trong một xã hội. Những tầng lớp giai cấp xã hội khác nhau trong xã hội nắm được quyền lực, chính trị và kinh tế đã gây ảnh hưởng và đưa tới BBĐXH” [3, tr.178].

##### 4.3. Cấu trúc vi mô mục từ khái niệm

Đây là loại mục từ chiếm số lượng nhiều nhất trong tổng thể những mục từ xã hội học được đưa vào biên soạn, trong đó cấu trúc vi mô của các mục từ được đưa ra gồm: Khái niệm; Nguồn gốc; Phân loại.

Bên cạnh những mục từ được biên soạn đầy đủ thông tin theo cấu trúc vi mô chung trên đây thì cũng có những mục từ có nội dung thông tin không theo khung chung đó. Ví như mục từ **Quan hệ giữa thành thị và nông thôn** [5, tr.713-714], ngoài khái niệm được nêu ra thì nội dung tiếp theo không phải là sự phân loại hay nói lên nguồn gốc mà ở đó là nói đến mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn. Ở những mục từ kiểu này do nội dung bao trùm là mối quan hệ vì vậy độc giả có thể thấy được sự khác biệt trong khuôn mẫu chung. Bên cạnh đó còn có mục từ **Quan sát** [5, tr.723-724] lại có khái niệm và yêu cầu.

#### 5. Nhận xét và kiến nghị

##### 5.1. Nhận xét

###### 5.1.1. Về cách phân loại mục từ

Nhìn chung, các chuyên ngành trong bộ Từ điển bách khoa được phân loại theo trình tự sau:

- Thuật ngữ (các chuyên ngành)
- Tên người
- Tên đất
- Tên tác phẩm, báo chí
- Tên các dân tộc
- Tên tổ chức
- Di tích, di sản
- Tên sự kiện, phong trào

Tuy nhiên, từng chuyên ngành lại có những cách phân loại khác nhau, riêng chuyên ngành xã hội học thì có thể khái quát thành ba chủ đề chính là: Các nhân vật xã hội học; Các định nghĩa xã hội học; Những khái niệm xã hội học.

Nhìn chung trong mỗi chủ đề có sự phân loại các chi tiết nhỏ khá hợp lí và đầy đủ. Ví như trong mục từ về các nhân vật xã hội học có nhiều đóng góp thì đây là mục từ nói về nhân vật và các thông tin đưa vào đầy đủ, logic, phù hợp,... từ tên, tuổi, quê quán, nghề nghiệp và đặc biệt là những công trình nghiên cứu khoa học chính có nhiều đóng góp cũng được đưa vào một cách chi tiết. Bên cạnh đó các mục từ về khái niệm hay định nghĩa về xã hội học thì đa phần các mục từ đều đáp ứng đầy đủ tiêu chí về định nghĩa, khái niệm, phân loại, nguồn gốc, ngoài ra một số mục từ còn được đưa thêm ví dụ vào để độc giả dễ hiểu hơn. Nói chung về cơ bản, từ bố cục cho đến việc cân đối các mục từ hay các thông tin trong mục từ được đưa vào khá rõ nét và đầy đủ. Ví dụ: **DUYÊCKHEM** (Durkheim); **BUÔCĐIƠ** (Ph. Pierre Bourdieu); **BECCO J** (Jacques Berque)...

#### 5.1.2. Về phương thức thể hiện

Đối với các mục từ định nghĩa xã hội học thì các nhà nghiên cứu sử dụng phương pháp chính là giải thích. Sau phần định nghĩa ngắn gọn súc tích thì phần dẫn dắt cho độc giả dễ hiểu sẽ được tác giả cho thêm ví dụ hay những giải thích xã hội học liên quan để người đọc nắm bắt thông tin rõ ràng hơn. Bên cạnh đó tác giả còn nêu lên sự phân loại trong mỗi mục từ nên bạn đọc có thể tìm thấy đầy đủ nhất các thông tin liên quan đến mục từ.

Đối với mục từ nhân vật trong xã hội học thì việc đưa các thông tin vào mỗi mục từ là khá đầy đủ theo trình tự sắp xếp hợp lí: Từ tên đầy đủ, năm sinh năm mất, quê quán, nghề nghiệp, các công trình nghiên cứu chính,... Chính những thông tin đầy đủ và chính xác này là cơ sở tra cứu hữu hiệu cho những độc giả quan tâm.

Đối với mục từ khái niệm xã hội học thì ngoài việc đưa khái niệm ngắn gọn súc tích còn kèm theo phần lí luận khá kĩ. Có thể thấy ở phần lí luận tùy thuộc vào mỗi mục từ khác nhau mà có thể nói tới nguồn gốc hay mối quan hệ hoặc cũng có thể là phân loại hoặc yêu cầu.

#### 5.1.3. Về kiến thức chuyên môn

Các mục từ xã hội học góp mặt trong 4 tập Từ điển bách khoa không phải ở vị trí độc lập mà nó chỉ hiện hữu dưới các chuyên ngành khác và đặc biệt không phải tất cả các mục từ về xã hội học đều được biên tập bởi các chuyên gia xã hội học, chính vì lẽ đó khó có thể tránh được sai sót hay có được một sự chuẩn xác đến hoàn hảo.

Ví dụ: Với mục từ **AUGUSTE COMTE (1798 - 1857)** được xem là cha đẻ của ngành xã hội học và là mục từ quan trọng trong ngành xã hội học, đặc biệt trong tất cả các chương trình học từ bậc đại học hay chương trình học cao hơn đều được quan tâm nghiên cứu, hơn nữa trong các sách báo tạp chí liên quan đến xã hội học đều nhắc đến ông thì mục từ này không có mặt trong Từ điển bách khoa.

### 5.2. Kiến nghị

#### 5.2.1. Cần đưa thêm một số mục từ xã hội học quan trọng vào Từ điển bách khoa Việt Nam

Có một số mục từ quan trọng về nhân vật cũng như khái niệm và định nghĩa xã hội học mà chúng ta có thể đưa thêm vào Từ điển bách khoa ví như:

**AUGUSTE COMTE (1798 - 1857)** (Isidore Auguste Marie Francois-Xavier Compte), nhà lí thuyết xã hội, nhà thực chứng luận người Pháp đã đưa ra thuật ngữ Xã hội học “Sociology”. Auguste comte học y học và sinh lí học ở trường Bách khoa Paris (École Polytechnique), sau này là người sáng lập ra Hiệp hội thực chứng luận. Auguste comte chịu ảnh hưởng của triết học Ánh sáng (Phục hưng) và chứng kiến các biến động chính trị xã hội, các cuộc cách mạng công nghiệp và cuộc xung đột giữa khoa học và tôn giáo ở Pháp. Công trình cơ bản của Auguste comte là “Triết học thực chứng” (The

Positive Philosophy) gồm nhiều tập xuất bản năm 1830 - 1842, và “Hệ thống chính trị học thực chứng” (System of Positive Polity) xuất bản năm 1851 - 1854.

Ngoài mục từ **AUGUSTE COMTE** thì có những mục từ khác cũng quan trọng đối với ngành xã hội học nên bổ sung vào Từ điển bách khoa Việt Nam như: **KARL MARX (1818 - 1883)**, **HERBERT SPENCER (1820 - 1903)**, **TỔ CHỨC XÃ HỘI, NHÓM XÃ HỘI...**

### 5.2.2. Bổ sung thêm thông tin vào nội dung mục từ

Để tăng tính toàn diện khi biên soạn các mục từ về xã hội học chúng ta có thể bổ sung thêm một số thông tin cần thiết ở mục từ Bảng hỏi (bảng điều tra xã hội học) trong phần phân loại các câu hỏi như sau:

Ví dụ: **BẢNG HỎI (bảng điều tra xã hội học)**, *Có rất nhiều cơ sở để phân loại câu hỏi, tuy nhiên những loại sau đây thường được sử dụng nhiều trong quá trình tạo dựng bảng hỏi: câu hỏi theo nội dung; câu hỏi mở; câu hỏi đóng; trên thực tế trong các bảng hỏi còn có thể nói về rất nhiều loại câu hỏi khác nữa như câu hỏi chức năng, câu hỏi gián tiếp, câu hỏi theo dạng cho điểm... [2, tr.93].*

Ở mục từ **BẤT BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI** [3, tr.178] có thể bổ sung thêm nội dung định nghĩa: *bất bình đẳng là sự không bình đẳng (không bằng nhau) về các cơ hội hoặc lợi ích đối với những cá nhân khác nhau trong một nhóm hoặc nhiều nhóm trong xã hội [9, tr.223].*

### 5.2.3. Về cách thức trình bày mục từ

Thay vì in hoa và in đậm các mục từ như hiện nay thì trong Từ điển bách khoa có thể in đậm đầu mục từ và viết hoa những từ cần thiết theo đúng quy chuẩn để tránh tình trạng viết hoa một cách tùy tiện.

Bên cạnh đó, các mục từ về nhân vật có tên nước ngoài thì nên viết nguyên dạng chứ không nên phiên âm ra tiếng Việt kiểu như “**Vebo**” mà thực chất tên là “**Max Weber**”, hay như “**Đuyêckhem**” mà tên chuẩn là “**Emile Durkheim**”. Chính kiểu viết này dẫn đến tình trạng khi đối chiếu với các tài liệu khác sẽ làm cho người đọc phân vân liệu hai tên này có phải là một. Thực tế cho thấy giữ nguyên dạng tên nhân vật theo tiếng nước ngoài cũng không phải quá khó trong phát âm lại tránh được tình trạng nhầm lẫn khi tra cứu, trong khi đó việc phiên chuyển sang tiếng Việt lại không phải chuyển hết mà nó chỉ mang tính chất chuyển nửa vời nên cách phát âm đã khó mà việc tra cứu đối chiếu với các tài liệu xã hội học khác lại còn khó hơn.

## 6. Kết luận

Bài viết đã phân tích cấu trúc các mục từ xã hội học trong Từ điển Bách khoa Việt Nam 4 tập. Từ việc tổng hợp với 71 mục từ, chia thành 3 nhóm mục từ nhân vật, mục từ khái niệm, mục từ định nghĩa, các thông tin của từng loại hình được trình bày theo một khung chung, tuy nhiên cũng có những mục từ đi ngược lại với khung phân loại đó. Bài viết cũng đã đưa ra một số đề xuất như thêm mục từ, bổ sung thông tin mục từ để góp phần làm đầy thêm các mục từ quan trọng của chuyên ngành này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Trần Thị Dự. *Bước đầu tìm hiểu cấu trúc vi mô của từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam* (Luận văn thạc sĩ, ngành Ngôn ngữ học). Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội. 2013.
2. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng. *Xã hội học*. NXB Thế giới. 2008.
3. Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 1. Trung tâm Quốc gia Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội. 1995.
4. Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 2. Trung tâm Quốc gia Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội. 2002.
5. Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 3. Trung tâm Quốc gia Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội. 2003.
6. Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 4. Trung tâm Quốc gia Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội. 2005.
7. Đặng Thị Phương. *Về phương pháp biên soạn từ điển bách khoa chuyên ngành*. Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư. Số 3.2012
8. Hà Học Trạc. *Lịch sử - Li luận thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội. 2004.
9. Trường Đại học Luật Hà Nội. *Tập bài giảng Xã hội học*. NXB Công an nhân dân. 2004.

### Tiếng nước ngoài

10. Béjoint. *The Lexicography of English: From Origins to Present*. Oxford University Press. 2010.
11. M.A.K. Halliday và Ruqaiya Hasan. *Cohesion in English*. Longman. 1976.
12. Teun A. van Dijk. *Macrostructures: An Interdisciplinary Study of Global Structures in Discourse, Interaction, and Cognition*. Lawrence Erlbaum Associates. 1980.